

Số: /2025/NĐ-CP
(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH
Về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 2 năm 2025;
Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày tháng năm 2025;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;
Chính phủ ban hành Nghị định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã).

2. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tại tổ chức quốc tế, cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài và quy định tại Nghị định này.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân ký kết hợp đồng dịch vụ, hợp đồng lao động.

Điều 3. Nguyên tắc ký hợp đồng

1. Thực hiện ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ để thực hiện một số công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan hành chính; thực hiện ký kết hợp đồng lao động đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tận dụng

kinh nghiệm, chất xám nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước.

2. Việc ký hợp đồng lao động phải căn cứ vào chương trình công tác hằng năm, các nhiệm vụ được giao thường xuyên và đột xuất, nguồn nhân lực hiện có và khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Không dùng hình thức ký hợp đồng lao động quy định tại Nghị định này để thay thế cho việc tuyển dụng công chức. Việc ký kết hợp đồng không được làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Việc ký kết hợp đồng lao động đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý không phải là bổ nhiệm; người ký kết hợp đồng không phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí lãnh đạo, quản lý tương ứng.

5. Người ký kết hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan hành chính nhà nước phải đáp ứng các điều kiện về kinh nghiệm công tác, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp; được áp dụng các quy định về quyền, nghĩa vụ của công chức và các quy định khác theo thỏa thuận trong hợp đồng.

6. Chế độ, chính sách đối với lao động hợp đồng thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động phù hợp với quy định của pháp luật. Người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện chế độ, chính sách, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các công việc thực hiện hợp đồng

1. Các công việc ký kết hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề tài, đề án về kinh tế, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo, cải cách thủ tục hành chính; xây dựng quy trình, thủ tục nội bộ.

c) Lãnh đạo, chỉ đạo Chương trình, Kế hoạch, Đề tài, Đề án được giao hoặc để thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong một thời hạn nhất định.

d) Lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ khác theo quyết định của người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức.

2. Các công việc ký kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng dịch vụ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ theo danh mục vị trí việc của công chức.

Điều 5. Đối tượng, phương thức ký kết hợp đồng

1. Đối với hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý:

a) Nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu, xuất sắc trong các lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

b) Luật gia, Luật sư, chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

2. Đối với hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người có kinh nghiệm, am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ và đã từng triển khai trực tiếp các nhiệm vụ cụ thể có tính chất tương tự.

c) Người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có kinh nghiệm đáp ứng theo yêu cầu của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Đối với hợp đồng dịch vụ thực hiện một số nhiệm vụ của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

4. Đối tượng ký kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không thuộc biên chế được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 6. Hình thức hợp đồng và thời hạn ký kết

Các công việc quy định tại Điều 4 Nghị định này được ký kết hợp đồng bằng văn bản; trường hợp ký kết thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử thì có giá trị như hợp đồng bằng văn bản. Hợp đồng ký kết là hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động và quy định tại Nghị định này.

Thời hạn ký kết được xác định trong hợp đồng nhưng không quá 24 tháng đối với đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này và không quá 36 tháng đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Không ký kết hợp đồng dài hạn đối với các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Chương II

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA CÔNG CHỨC

Điều 7. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền, nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng

1. Đối với cơ quan ký hợp đồng

a) Có nhu cầu thực hiện nhiệm vụ đột xuất, cấp bách hoặc theo nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực cao của cơ quan, đơn vị để thực hiện công việc cần giải quyết trong một thời gian nhất định;

b) Nguồn nhân lực hiện có không bảo đảm để triển khai các công việc, nhiệm vụ được giao.

c) Có thẩm quyền ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân được ký kết hợp đồng phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Có quốc tịch Việt Nam;

b) Có đủ sức khỏe để làm việc;

c) Có lý lịch được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

d) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ hoặc đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; không trong thời gian bị cấm hành nghề hoặc cấm làm công việc liên quan đến công việc ký kết hợp đồng;

đ) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ký hợp đồng.

3. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 điều này, các đối tượng cụ thể còn phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này: Có khả năng đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, thể hiện bằng kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong giai đoạn 05 năm gần nhất, có uy tín trong thị trường, là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động;

b) Đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này: Có uy tín trong ngành, lĩnh vực hoạt động; có trình độ chuyên môn cao; có sản phẩm, kết quả cụ thể được ứng dụng thành công trong thực tiễn, phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng

1. Đối với cơ quan ký hợp đồng

a) Xây dựng kế hoạch, đề án ký kết hợp đồng, trong đó xác định rõ ngành, lĩnh vực, đối tượng, nguồn kinh phí, thời gian thực hiện và các nội dung cần thiết khác;

b) Được quyền sở hữu, khai thác, thụ hưởng các kết quả, sản phẩm theo hợp đồng ký kết;

c) Thường xuyên theo dõi, đánh giá về chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệm vụ của người ký hợp đồng lao động;

d) Chi trả lương, thực hiện chế độ, chính sách khác cho người lao động theo thỏa thuận; thực hiện quyền, nghĩa vụ quy định tại Nghị định này và các quy định khác được ghi trong hợp đồng.

đ) Đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

2. Đối với cá nhân ký kết hợp đồng:

a) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, theo thỏa thuận trong hợp đồng và theo yêu cầu của cơ quan hành chính nhà nước;

b) Được hưởng chế độ, chính sách theo thỏa thuận trong hợp đồng (chế độ thù lao, thuê khoán tương xứng theo kết quả, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động...).

c) Người lao động làm các công việc quy định tại Điều 5 Nghị định này được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật lao động, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

d) Thời gian làm việc theo hợp đồng lao động làm một số nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ quy định Điều 5 Nghị định này được tính làm căn cứ xếp lương theo vị trí việc làm nếu được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức. Việc xếp lương tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận thực hiện theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao;

e) Tuân thủ nội quy, quy chế, điều lệ của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Đối với tổ chức cung cấp dịch vụ: Phải đáp ứng đầy đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật, bảo đảm chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật lao động và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định và kinh phí thực hiện

1. Việc ký hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này do người đứng đầu cơ quan quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan được phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm quyết định.

2. Việc ký hợp đồng lao động quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định này do người đứng đầu cơ quan quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan được phân cấp thẩm quyền tuyển dụng quyết định.

3. Kinh phí thực hiện thực hiện ký kết hợp đồng quy định tại Điều 4 Nghị định này do ngân sách nhà nước bảo đảm, nằm ngoài quỹ lương và ngoài kinh phí khoán chi hành chính của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị

có thể huy động kinh phí để thực hiện chính sách đối với đối tượng này từ nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Chương III **TRÁCH NHIỆM THI HÀNH**

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này; hướng dẫn việc xác định định mức lao động hỗ trợ, phục vụ và định mức khoán chi thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan hành chính để làm căn cứ xác định kinh phí; mẫu hợp đồng lao động.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này; hướng dẫn các nội dung khác liên quan đến tài chính trong quá trình thực hiện ký kết hợp đồng theo quy định của Nghị định này.

b) Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để cơ quan có thẩm quyền thực hiện ký kết hợp đồng.

3. Người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, công chức có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý căn cứ nhu cầu sử dụng lao động và vị trí việc làm đề xuất các vị trí việc làm, số lượng, đối tượng ký hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định này; lập dự toán kinh phí thực hiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Chỉ đạo cơ quan có liên quan thẩm định kinh phí thực hiện và quyết định theo thẩm quyền.

c) Thống nhất trong cấp ủy, tập thể lãnh đạo trước khi quyết định ký kết hợp đồng dịch vụ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phù hợp với đặc thù của bộ, ngành, địa phương, bảo đảm chất lượng, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước.

d) Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, tình hình thực hiện chế độ hợp đồng theo quy định tại Nghị định này, chỉ đạo cơ quan tài chính dự kiến kế hoạch thực hiện năm sau liền kề, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí, giao dự toán kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước của năm sau liền kề.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính